

**TÒA ÁN ND HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 08/7/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Hoàng Văn Ninh và ông Nguyễn Bá Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, về việc: Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX – ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị M, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

* *Bị đơn:* Anh Hà Văn G, sinh năm: 1985

HKTT: Xóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chị M và anh G đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Hà Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M (nay là Thị trấn T) cấp ngày 28/6/2019

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh G hành hung chị dẫn đến chị phải điều trị tại Bệnh viện. Đến năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G nhưng anh G van xin chị, mong chị cho anh cơ hội sửa sai, vì nghĩ thương con và muốn cho anh G cơ hội thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên quá trình vợ chồng về chung sống tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến đầu năm 2021 không thể tiếp tục chung sống cùng anh G được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày 23/1/2020. Hiện nay cháu đang sống cùng anh G.

Tại đơn khởi kiện chị đề nghị để anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì thời điểm đó chị bị tai nạn giao thông, phải điều trị dài ngày nên không thể chăm sóc cho cháu được, nay chị đã khỏe mạnh, có thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Hiện tại cháu đang còn nhỏ mới hơn 1 tuổi nên nguyện vọng của chị M là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì bản thân chị đã có nhà riêng, buôn bán hoa quả tại chợ, sắp tới chị mở cửa hàng tạp hóa tại nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ / 01 tháng .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ

- Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Văn G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh G và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng.

Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn thương yêu chị M và mong muốn chị M suy nghĩ lại và quay về chung sống cùng anh và con. Nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung như chị M trình bày là đúng. Nay nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì từ đầu năm 2021 đến nay chị M bỏ về quê ở xã T sống, để cháu lại cho anh và bố mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng, lúc cháu ốm chị cũng không về thăm cháu nên anh không đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay anh đang làm thợ cơ khí thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng 8.000.000đ, nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Chị Vũ Thị M và anh Hà Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28/6/2019, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh G là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xảy ra va chạm dẫn đến bạo lực trong gia đình. Đến đầu năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó

tự lo, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh M cũng cho rằng vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh G là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Hà Văn G

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày 23/01/2020. Chị M và anh G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M và anh G đều chính đáng, tuy nhiên cháu Bảo N hiện tại mới được gần 18 tháng tuổi, chị M không đồng ý để anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo N, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Bảo N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M yêu cầu anh Giáp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Anh G chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ.

Xét thấy hiện tại anh G đang làm thợ cơ khí, thu nhập mỗi tháng 8.000.000đ, mức cấp dưỡng anh G đưa ra 500.000đ/01 tháng là quá thấp, không đủ để phụ giúp cùng chị M nuôi con chung. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 1.000.000đ.

[3] Về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Hà Văn G.

- **Về con chung:** Giao cháu Hà Bảo N, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2020 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Hà Văn G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị M mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu Bảo N đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn G được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị M không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Vũ M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0013590 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Văn G phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS T;
- C.cục thi hành án DS T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan